

RIGHTS OF CULTURAL SUBJECTS AND THE CONSERVATION OF HERITAGES IN BAU TRUC CRAFT VILLAGE, NINH THUAN

Le Thi Thuy Ly

Institute of Culture Research, Vietnam Academy of Social Sciences

Email: *lethithuyly@gmail.com*.

Received: 23/10/2023

Reviewed: 23/10/2023

Revised: 29/10/2023

Accepted: 21/11/2023

Released: 25/11/2023

This article, from studying the current status of pottery making in Bau Truc (a long - standing craft village in Phuoc Dan town, Ninh Thuan province today), argues that there is the existence of different perspectives in dealing with cultural heritage from the people and this is something that needs attention because it has related to the issue of subjects' rights to cultural heritage. By pointing out the multi - faceted situation of the pottery profession in Bau Truc village - related to the development of “traditional” and “non - traditional” pottery - after the profession was registered, the author of this article clarifies the multi - dimensional picture of this famous craft village by focusing on the perspective of “insiders” and from there make recommendations.

Keywords: Rights of cultural subjects; Heritage; Bau Truc craft village.

1. Giới thiệu

Việt Nam là một trong những nước sớm ký Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (2003). Công ước này, khẳng định di sản chỉ thuộc về một đối tượng duy nhất là cộng đồng chủ thể, xem di sản văn hóa phi vật thể là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng... của các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân. Từ đó đến nay, đã có nhiều di sản phi vật thể trên lãnh thổ Việt Nam được ghi danh (Proschan, 2020). Tuy nhiên, câu chuyện ứng xử với di sản sau khi ghi danh là một câu chuyện có nhiều vấn đề đáng bàn. Những gì đang xảy ra ở làng nghề Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận là một trường hợp như vậy. Có sự khác biệt trong cách ứng xử đối với di sản trong bản thân cộng đồng, điều cho thấy không chỉ có một thứ “chủ thể” duy nhất. Việc tìm hiểu về vấn đề vừa nêu có thể góp thêm những hiểu biết mới xung quanh câu chuyện về quyền của chủ thể đối với di sản văn hóa phi vật thể sau ghi danh vốn đang thu hút giới khoa học nói riêng và xã hội Việt Nam nói chung.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Quyền của chủ thể đối với di sản văn hóa phi vật thể là một chủ đề được nhiều người nghiên cứu ở Việt Nam và về Việt Nam quan tâm.

Sự chú ý trước hết của những người nghiên cứu là thực trạng của quyền của chủ thể văn hóa đối với di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam. Quan điểm được chấp nhận rộng rãi của quốc tế hiện nay cho rằng, di sản văn hóa phi vật thể thuộc về chủ thể văn hóa và người dân được quyền lựa chọn việc ứng xử với di sản đó theo cách mình muốn. Mặc dù vậy, ở Việt Nam, có những nhìn nhận khác về vấn đề này. Tình hình thực tế về quyền của chủ thể văn hóa đối với di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam đã được đề cập tới trong nhiều nghiên cứu, như của Salemink (2001), Malita (2006), Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2014), Proschan (2020)... Đặc biệt, Proschan (2020) đã nói đến sự nhận thức chưa đúng về việc các di sản được ghi danh thuộc về ai, khi các di sản này có những lúc được xem là nằm ngoài quyền quyết định của chính chủ thể. Tiếp theo, các nhà nghiên cứu quan tâm đến việc quyền của chủ thể văn hóa đối với di sản văn hóa phi vật thể cần phải có diện mạo ra sao. Trước hết, có những người cho rằng di sản văn hóa bao gồm cả giá trị lẫn phản giá trị nên cần phải phát triển các giá trị cũng như ngăn chặn điều ngược lại, và nhà nước có vai trò quan trọng trong sự lựa chọn đó (Nông Quốc Chân, 1978; Đoàn Văn Chúc, 1993; Đặng Nghiêm Vạn, 1999...). Sau nữa là quan điểm cho rằng chủ thể văn hóa nên là chủ thể của việc ứng xử với di sản (Salemink, 2001; Hoàng Cẩm và Phạm Quỳnh Phương, 2012; Lê Hồng Lý và cộng sự, 2014...). Quan điểm thứ hai này đang ngày càng trở nên phổ biến hơn. Theo Salemink (2001), với tư cách là người sáng tạo và tái tạo nền văn hóa của mình, việc người dân ứng xử như thế nào với di sản văn hóa phải là kết quả sự lựa chọn từ chính bản thân họ. Như vậy, trong vấn đề quyền của chủ thể văn hóa đối với di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam, đã và đang có một sự thảo luận về việc di sản thuộc về ai cũng như ai mới nên là người đưa ra quyết định về sự tồn tại cũng như về hình thức tồn tại của nó.

Tham gia vào sự thảo luận này từ trường hợp nghiên cứu của mình, tác giả bài viết muốn nhấn mạnh rằng không những di sản văn hóa cần thuộc về người dân mà chúng ta còn phải lưu ý là không phải luôn luôn chỉ có một thứ “người dân” duy nhất - quyền của chủ thể văn hóa cần là quyền của các thành phần trong đó, hay nói cách khác, những nguyện vọng khác nhau của các nhóm dân cư khác nhau liên quan đến di sản văn hóa chung của họ đều cần phải được quan tâm.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Về cách tiếp cận, với quan điểm “tương đối văn hóa” là nguyên tắc chung của ngành nghiên cứu văn hóa hiện nay, chúng tôi hướng đến cái nhìn đa chiều đối với vấn đề nghiên cứu và đặc biệt là chú trọng tiếng nói của những người liên quan. Như các công trình nghiên cứu văn hóa học khác, nghiên cứu này xem chủ thể văn hóa là người làm chủ hành vi của mình, có ý thức về điều mình làm và có đầy đủ thẩm quyền giải thích hành vi đó hơn bất cứ ai khác và vì thế, chúng tôi xác định người nghiên cứu cần phải “nhìn qua vai của họ”.

Với nghiên cứu này, tác giả tập trung vào phương pháp định tính, mà về cơ bản là phỏng vấn sâu. Tác giả cố gắng để những đối tượng khảo sát được nói nhiều đến mức có thể

về những gì có liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà họ cảm thấy quan tâm. Tác giả tiến hành hầu hết các cuộc phỏng vấn đối tượng của mình theo cách thức “mở” - tức chọn dạng phỏng vấn phi cấu trúc (*unstructured interview*) - với mong muốn giúp họ có cảm giác thoải mái khi chia sẻ suy nghĩ của bản thân. Phỏng vấn phi cấu trúc, như ta biết, là phương pháp thu thập thông tin được dùng rộng rãi trong nghiên cứu. Phỏng vấn phi cấu trúc được dựa trên một kế hoạch rõ ràng, cụ thể nhưng có đặc điểm là kiểm soát ít nhất đối với những câu trả lời của thông tin viên (Bernard, 2017). Có thể mạnh là linh hoạt do không bị ràng buộc bởi một bản hướng dẫn phỏng vấn, mục đích của loại phỏng vấn này là làm cho thông tin viên trở nên cởi mở nhất có thể, tự bày tỏ bản thân theo cách họ muốn và với nhịp điệu của họ. Tất nhiên, một cuộc phỏng vấn sẽ không thể hoàn toàn giống với một cuộc nói chuyện thông thường, tác giả vẫn phải để câu chuyện bám theo một mạch hay nói cách khác là theo một chủ đề nhất định, trong khi chú ý cho các thông tin viên khoảng trống để xác định nội dung cuộc hội thoại.

Theo nguyên tắc bảo hòa thông tin (Birks và Mills, 2015), việc phỏng vấn chỉ dừng lại khi không còn những thông tin mới được phát hiện.

Trong suốt quá trình phỏng vấn, tác giả cố gắng khích lệ những người được phỏng vấn mô tả một phần hoặc nhiều phần của cuộc đời họ vì điều này có thể ảnh hưởng đến cách nhìn của họ về vấn đề nghiên cứu, nhất là những người đã có tuổi và đã có nhiều trải nghiệm liên quan.

Việc quan sát thông tin viên trong môi trường phỏng vấn (nơi công cộng, nhà riêng...) cũng có thể đem lại những thông tin gắn với chủ đề phỏng vấn, vì thế tác giả không bỏ qua điều này. Tính trực tiếp là lợi thế của phương pháp đang được đề cập. Phương pháp quan sát, như ta vẫn biết, tạo ra những ấn tượng trực tiếp về các sự kiện, quá trình và hành vi xã hội.

Cuối cùng, theo nguyên tắc đạo đức (Seale, 1999), việc giữ bí mật thông tin (bằng cách ẩn danh thông tin viên trong những công bố có liên quan) là việc mà tác giả cam kết với tất cả những người được phỏng vấn.

4. Kết quả nghiên cứu

Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Nằm ở trung tâm thị trấn Phước Dân của huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (tỉnh có nhiều người Chăm sinh sống nhất ở nước ta), Bàu Trúc là một trong những làng gốm cổ nhất Đông Nam Á còn tồn tại cho đến bây giờ. Ngôi làng Chăm này nổi tiếng với những sản phẩm thủ công bằng đất nung mang đậm nét văn hóa truyền thống. Đây cũng là một trong những địa điểm du lịch quan trọng của tỉnh.

Như nhiều người nhận xét, không hoàn toàn giống với tình hình những làng gốm nổi tiếng khác như Bát Tràng, Chu Đậu hay Phước Tích là đã chú trọng áp dụng công nghệ mới vào sản xuất (dùng bàn xoay, lò điện...), cách chế tác gốm thủ công vẫn tồn tại ở Bàu Trúc với công thức “làm bằng tay, xoay bằng mông”, tạo màu bằng vỏ cây và nung lộ thiên bằng vật liệu tự nhiên như củi, rơm... Các dụng cụ làm gốm của người làng rất đơn giản, như vòng tre để chà láng (*kakoh*), vòng tre cạo mỏng gốm (*tanuk*), dao (*dhaong*), cây chọc lỗ (*tanây*), khăn vải chà láng (*tanek*), rãnh lược tạo hoa văn (*tathi*)... (Sakaya, 2015). Người thợ gốm Bàu Trúc sử dụng nguyên liệu đất sét tại chỗ. Đặc biệt, gốm ở đây làm từ đất sét được pha với cát chứa nhiều sa khoáng, nên sau khi nung ở nhiệt độ cao, sa khoáng sẽ bám vào thành gốm

tạo nên màu sắc ấn tượng. Nghề gốm ở Bàu Trúc trước kia chủ yếu do nữ giới thực hiện, còn nam giới chỉ đảm nhận công việc đào đất, nung gốm và đem các sản phẩm đi bán trên thị trường. Từ khi gốm mỹ nghệ được chú trọng phát triển ở Bàu Trúc, nam giới đã tham gia nhiều hơn vào các công đoạn làm gốm.

Theo truyền thuyết, ông tổ nghề gốm Bàu Trúc là Po K'long Chank. Ông là tâm phúc của vua Po K'long Giarai (1151 - 1205), một vị anh hùng dân tộc về quân sự cũng như về việc chăm lo đời sống kinh tế của người dân Chăm. Gắn hành trạng cuộc đời ông tổ nghề gốm của mình với vị vua có thật đó, dân gian xem nghề gốm ở đây đã có lịch sử gần ngàn năm. Ông tổ nghề được kể rằng đã đưa những người dân Chăm nghèo khổ từ vùng đồi núi đến sinh sống ở cánh đồng làng và dạy họ lấy đất sét tại các bờ sông, con suối nặn rồi nung thành đồ gia dụng. Ngoài ra, ông còn dạy cho họ cách trồng trọt, đánh bắt và buôn bán để họ sớm an cư lạc nghiệp nơi đây. Người ta đã dựng đền thờ ông tại làng, nơi cho đến nay còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ, có giá trị lịch sử (Ngô Văn Doanh, 2006). Hàng năm, dân làng vẫn kết hợp tổ chức nghi thức tưởng niệm tổ nghề của mình một cách long trọng vào dịp lễ hội Kate - lễ hội lớn nhất của người Champa.

Đa số các gia đình ở Bàu Trúc đều tham gia làm gốm. Mỗi hộ gia đình là một xưởng gốm - nơi chế tác và nung gốm. Những gia đình ở mặt đường thường mở cửa hàng bày bán sản phẩm của mình, trong đó có nhiều cửa hàng được thiết kế rất sang trọng. Để thu hút du khách thập phương đến với Bàu Trúc, nghệ nhân của làng sẵn lòng biểu diễn các kỹ thuật tạo hình gốm, cho ra những sản phẩm bắt mắt ngay tại chỗ theo yêu cầu của khách.

Vào năm 2017, nghề gốm ở làng Bàu Trúc được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Đây là sự kiện gắn với vấn đề nghiên cứu của bài viết này.

Kết quả nghiên cứu

Như trên vừa nói, nghề gốm của Bàu Trúc đã được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Dĩ nhiên, cái khiến nghề được ghi danh chính là toàn bộ các thuộc tính truyền thống của nó. Mà trong truyền thống, các sản phẩm của gốm Bàu Trúc là gốm gia dụng chứ không phải là gốm mỹ nghệ. Những đối tượng trả lời phỏng vấn (thông tin viên) cho chúng tôi biết, gốm mỹ nghệ mới xuất hiện ở đây hơn hai chục năm. Một số hộ gia đình đã thử nghiệm làm gốm mỹ nghệ vì nó đem lại lợi ích lớn hơn nhiều so với gốm gia dụng. Là những người có nguồn lực về tài chính, quan hệ... (có vốn để kinh doanh lớn, có cửa hàng giới thiệu sản phẩm ở mặt đường, có quan hệ rộng rãi với các đầu mối tiêu thụ...), họ nhanh chóng trở thành bộ mặt mới của làng. Tuy nhiên, trong tâm thức của người dân suốt hai thập niên ấy, kể cả người làm gốm mỹ nghệ, người ta thường không coi gốm mỹ nghệ là sản phẩm gốm Bàu Trúc truyền thống. Các thông tin viên cho biết, người làng thậm chí còn đồng thuận chuyển sang gọi hẳn các mặt hàng gốm gia dụng là gốm truyền thống trong hàm ý phân biệt với gốm mỹ nghệ. “Gốm mỹ nghệ sinh sau đẻ muộn, vì thế không thể được gọi là gốm truyền thống”, một nữ thông tin viên ở độ tuổi trung niên - đã có thâm niên mấy chục năm làm gốm - khẳng định.

Dẫu vậy, ngay sau khi nghề gốm truyền thống được ghi danh, những người làm gốm mỹ nghệ và sản phẩm gốm của họ lại mặc nhiên được xem là một phần không thể thiếu, thậm chí

là những gì tiêu biểu cho nghề gốm của làng. Một số thông tin viên cho biết, trong những buổi đón tiếp các đoàn khách trong và ngoài nước, gốm mỹ nghệ thường được giới thiệu như là phần quan trọng nhất của nghề gốm ở Bàu Trúc (cho dầu nghề gốm truyền thống mới là cái khiến làng được nhận danh hiệu). Bên cạnh đó, nhà trưng bày của làng cũng tập trung trưng bày các sản phẩm mỹ nghệ. Hướng dẫn viên của các nhóm du lịch thường cũng sẽ đưa những nhóm ấy đến các cửa hàng gốm mỹ nghệ thay vì gốm gia dụng. Điều này xảy ra một phần lớn là do trước đó, gốm mỹ nghệ đã có một hành trình trưởng thành, có sự phát triển mạnh mẽ và chiếm được vị thế trong đời sống của làng. Thực tế, không thể phủ nhận rằng đồ gốm gia dụng của Bàu Trúc - dù là sản phẩm truyền thống đích thực - khó bắt mắt như đồ gốm mỹ nghệ. Những cái lò, cái chum, cái lu, cái hũ, cái nôi... giản dị ở đây bao đời nay vẫn thế, thật khó có thể cải tiến hơn được khi mà tính hợp lý của kiểu dáng và chất liệu đã được kiểm chứng bởi thực tiễn hàng trăm ngàn năm. Hơn nữa, chúng được sản xuất cho đại chúng sử dụng, nên cần có giá thành phải chăng. Còn gốm mỹ nghệ thì khác, sự hấp dẫn của những sản phẩm này là không thể bỏ qua. Bản thân chúng tôi cũng không thể ngừng trầm trồ thán phục trước những sản phẩm gốm mỹ nghệ tinh xảo nơi đây. Mặt khác, các mặt hàng gốm mỹ nghệ lại rất phong phú, bao gồm các loại bình hoa, hộp đèn, bình trang trí, bình phong thủy... và hàng loạt bức tượng dựa trên thân thoại và tín ngưỡng. Đó là những thứ có thể dùng để trang trí ở nhiều địa điểm như tư gia, khách sạn, resort, nhà hàng, quán café..., vì thế đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng. Thực tế vừa đề cập đem đến những tình huống có lợi cho sự phát triển tiếp theo của nghề gốm mỹ nghệ, đồng thời lại đem đến không ít khó khăn cho nghề gốm truyền thống ở Bàu Trúc. Thậm chí, các phương tiện truyền thông có làm phóng sự về nghề truyền thống của làng thì đều phỏng vấn người làm gốm mỹ nghệ, khiến công chúng dễ nghĩ rằng gốm mỹ nghệ mới là cái khiến làng được tôn vinh. Tất cả những điều này đã dẫn đến sự không hài lòng của không ít những người làm gốm truyền thống. Một nam thông tin viên gần 70 tuổi nhấn mạnh: “Cha ông chúng tôi làm nghề gốm gia dụng bao nhiêu đời, đó mới là nghề gốc của làng!”. Còn một nữ thông tin viên ở độ tuổi 40 bày tỏ: “Làng này tuy được nhận danh hiệu thật đấy nhưng mà chúng tôi thấy chỉ có mỗi người làm gốm mỹ nghệ có lợi, còn mình chẳng được cái gì! Cuộc sống của chúng tôi vẫn thế, vẫn cứ làm quần quật mà chẳng đủ ăn. Khách du lịch có biết đến làng nhiều hơn thì cũng chỉ mua đồ ở các cửa hàng mỹ nghệ thôi!”.

Đáng chú ý là, trong khi những gì xảy ra sau việc ghi danh có thể vô hình trung “loại trừ” chính bản thân di sản văn hóa và điều này đã dẫn đến những hệ quả cho nghề gốm truyền thống và phần nào là cho quan hệ xã hội giữa những người dân trong cộng đồng làng Bàu Trúc, nó cũng lại là nguyên nhân rất quan trọng khiến cho sự phát triển của nghề gốm ở ngôi làng chúng ta đang đề cập trở nên mạnh mẽ và đạt được một sự chú ý rất đáng kể. Cụ thể, nhìn ở một góc độ khác, việc nghề gốm mỹ nghệ của làng Bàu Trúc phát triển hết sức nhanh chóng và sôi động - nếu như không muốn dùng cụm từ “bùng nổ” - chính là kết quả của sự lựa chọn và sự quyết tâm hành động của một bộ phận không nhỏ người dân, khi mà nó giúp cho làng nghề này thích ứng được với thị hiếu của xã hội đương đại (chính xác hơn, thị hiếu của những người tiêu dùng đương đại). Một nam thông tin viên trung niên chia sẻ: “Làm gốm truyền thống thì khó mà bứt lên được! Thu nhập kém đã đành, còn không nhìn thấy triển

vọng!”. Một chủ cửa hàng còn nhấn mạnh: “Không thích ứng với tình hình mới thì khó tồn tại! Mình phải nhanh chóng chuyển hướng, nắm lấy thị trường... Nói chung là phải vừa làm vừa học hỏi mới được!”. Rõ ràng, nếu người dân chỉ chú trọng làm gốm truyền thống, chưa chắc nghề gốm của ngôi làng vẫn tiếp tục được duy trì một cách vững vàng và được biết đến khắp trong và ngoài nước như hiện nay. Trong trường hợp xấu nhất, nó còn có thể bị lụi tàn đi rất nhanh chóng khi không thể bắt kịp với nhu cầu, xu hướng mới của thị trường về công năng - hiệu quả sử dụng, mức độ thẩm mỹ, độ bền... của sản phẩm. Những gì xảy ra sau việc nghề gốm của làng được ghi danh là di sản phi vật thể cấp quốc gia trong trường hợp này tuy có thể là không có những tác dụng tích cực đối với bản thân di sản gốm truyền thống nhưng lại rất có ý nghĩa đối với sự sống còn của nghề gốm nói chung ở Bàu Trúc, khi nhiều người làng đã tận dụng cơ hội để khuếch trương các sản phẩm đa dạng, hiện đại và có thể nói là rất thu hút của mình. “Nhà tôi nói thật là đông khách lắm! Làng mang đến thương hiệu cho mình, mình cũng làm lợi cho tên tuổi, thương hiệu của làng!”, một nữ nghệ nhân xấp xỉ 50 tuổi chia sẻ với chúng tôi trong cửa hàng của bà - nơi đặt rất nhiều những bức tượng đặc sắc của các vị thần trong Bàlamôn giáo như Brahma, Vinus... hay những bức tượng đầy tính thẩm mỹ của nữ thần Apsara. Trên thực tế, sự phát triển nhộn nhịp, sôi động của nghề gốm ở làng Bàu Trúc và sự hưng thịnh rất rõ nét về kinh tế của nhiều hộ dân cư trong những năm vừa qua chủ yếu là - nếu không muốn nói rằng gần như - dựa trên những sản phẩm gốm mỹ nghệ. Như vậy, tình hình đang diễn ra ở làng gốm Bàu Trúc, trên một phương diện nhất định, đã cho thấy tính năng động, nhạy bén, thức thời, có tầm nhìn xa trông rộng... của một bộ phận không nhỏ người dân khi khai thác danh hiệu một cách khéo léo và quyết đoán để đem lại những lợi ích đáng kể và cần thiết cho bản thân cũng như cho chính danh tiếng của ngôi làng nghề này, những cái có thể khiến cho nghề gốm Bàu Trúc tồn tại và phát triển một cách lâu dài.

5. Thảo luận

Ở Việt Nam, đang có một sự thảo luận về việc di sản thuộc về ai cũng như ai mới nên là người quyết định sự tồn tại hoặc cách thức tồn tại của nó. Liên quan đến vấn đề này, câu chuyện của làng Bàu Trúc cho thấy tuy nhờ những con người duy trì việc sản xuất các mặt hàng gốm truyền thống mà nghề gốm của Bàu Trúc được vinh danh (vì không có họ thì nghề gốm truyền thống không còn tồn tại với tư cách một nghề đang còn sống thực sự nữa), có một sự thật rằng họ không phải là những người quyết định bộ mặt nghề gốm ở đây như họ mong muốn. Sự phản ứng ít nhiều của họ là sự phản ứng của những con người nghĩ là mình đang bị “ngoài lề hóa”. Họ cho rằng sự thiệt thòi của họ chỉ có thể mất đi khi họ được trả lại vị trí mà tự họ xem là chính đáng của mình. Tuy nhiên, ở phương diện khác, dưới góc nhìn toàn cảnh hơn, ta có thể đặt câu hỏi rằng sự vận động của nghề gốm đang diễn ra ở đây phải chăng phản ánh sự thích ứng cần thiết của một bộ phận người dân làng Bàu Trúc khi muốn cập nhật với xu hướng, nhu cầu của thị trường (trong khi cũng không phản đối việc giữ gìn được nghề gốm gia dụng là truyền thống lâu đời của làng)? Nói cách khác, nhìn một cách tổng thể, phải chăng việc đi trên làn ranh của cái mới và cái cũ đã khiến cho làng Bàu Trúc hôm nay có sự tồn tại của cả hai loại gốm và vì thế nó có triển vọng tồn tại vững vàng trước những đòi hỏi ngày càng cao và đa dạng của xã hội hiện đại? Tất nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng cần phải có một

sự ghi nhận và đãi ngộ xứng đáng đối với nghệ nhân gốm truyền thống, nhưng điều đó cũng không có nghĩa rằng nghề gốm của làng Bàu Trúc nhất thiết phải “đóng băng” với mặt hàng này. Truyền thống, suy cho cùng, là một dòng chảy liên tục và những cái hôm nay là mới, ngày mai cũng có thể trở thành “truyền thống” (Handler và Linnekin, 1984; DeWaal, 2019). Nói như Salemink (2001), không có một “điểm 0” của văn hóa truyền thống - văn hóa luôn thay đổi bởi vì những người mang văn hóa sẽ tìm kiếm bản thân trong những bối cảnh đang thay đổi cũng như phát hiện ra những cách mới để đối phó với tình hình. Tác giả bài viết cũng chia sẻ ý kiến của Samlemink rằng mặc dù điều này có thể không hoàn toàn làm vui lòng những người bên ngoài như nhà nhân học, quan chức chính quyền, khách du lịch... (kể cả chúng ta), họ có quyền thay đổi như vậy bởi vì chính họ là người sống nền văn hóa của họ. Và trong khi chúng ta đồng ý với nhau là người dân cần phải là người được quyền quyết định các thực hành văn hóa của mình, chúng ta cũng cần đồng ý rằng không có một thứ “người dân” duy nhất. Vì vậy, vẫn rất nên ủng hộ, khuyến khích những tìm tòi mới để nghề của làng phát triển một cách sinh động, mạnh mẽ hơn. Đã có nhiều nghiên cứu nói về tính *agency* (tính năng động, tự quyết) của người dân làng nghề trên thế giới và ở Việt Nam. Đặt trong bối cảnh này, có thể hiểu hơn về những gì đang diễn ra ở làng nghề Bàu Trúc hiện nay. Với hoạt động của mình, những nghệ nhân gốm mỹ nghệ đang góp phần tạo nên tính đa dạng trong bức tranh nghề gốm nơi đây. Và ở góc độ nào đó, nó cũng chính là quyền của một bộ phận người dân với di sản văn hóa của cộng đồng mình. Nếu chỉ chấp nhận một cách ứng xử duy nhất với di sản của một nhóm dân cư thì đó sẽ là sự không công bằng với những người còn lại.

6. Kết luận

Qua bức tranh đa chiều của nghề gốm ở làng Bàu Trúc, tỉnh Ninh Thuận hiện nay, có thể thấy những quan điểm khác nhau với di sản từ phía người dân. Những người làm gốm truyền thống muốn khôi phục lại vị thế của gốm truyền thống, nhưng những người làm gốm mỹ nghệ muốn phát triển nghề theo xu hướng cập nhật hơn với thời cuộc. Những gì diễn ra ở Bàu Trúc góp thêm một tư liệu cho chúng ta xung quanh vấn đề quyền của chủ thể đối với di sản văn hóa phi vật thể sau ghi danh hiện nay. Trên thực tế, không có một thứ “người dân” duy nhất, và quyền của chủ thể di sản văn hóa cần phải là quyền của mọi thành phần trong chủ thể ấy.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bernard, H.R. (2017), *Research Method in Anthropology*, Lanham - Boulder - New York - London: Rowman & Littlefield Publishers.
- [2]. Birks, M., Mills, J. (2015), *Grounded Theory: A Practical Guide*, London: Sage.
- [3]. DeWaal, J. (2019), “The Re-invention of Tradition: Form, Meaning and Local Identity in Modern Cologne Carnival”, *Central European History*, 46.5: 495 - 532.
- [4]. Đặng Nghiêm Vạn (1999), “*Gạn đục, khơi trong trong các hoạt động tín ngưỡng*”, Tạp chí *Tư tưởng Văn hóa*, 2: 18 - 20.
- [5]. Đoàn Văn Chúc (1993), “*Gây dựng lễ - tết - hội của xã hội mới*”, trong Nhiều tác giả, *Lễ hội Hà Nội*, Kỷ yếu hội nghị về lễ hội Hà Nội, Sở Văn hóa Thể thao Hà Nội.

[6]. Handler, R., Linnekin, J. (1984), “Tradition, Genuine or Spurious”, *The Journal of American Folklore*, 97.385: 273 - 290.

[7]. Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương (2012), *Diễn ngôn, chính sách và sự biến đổi văn hóa sinh kế tộc người*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.

[8]. Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Hiền, Đào Thế Đức và Hoàng Cẩm (2014), “Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong quá trình hiện đại hóa: Nghiên cứu trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (Phủ Thọ), hội Gióng (Hà Nội), tháp Bà Poh Nagar (Khánh Hòa) và văn hóa công nghệ của người Lạch (Lâm Đồng)”, trong: Nhiều tác giả, *Di sản văn hóa trong xã hội đương đại*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[9]. Malita, A. (2006), “Cultural Preservation: Paradoxes in the Development of the Thai in Mai Chau”, tham luận tại Hội thảo *Tiếp cận văn hóa đương đại Việt Nam: Phương pháp luận và những nghiên cứu mới*, Hà Nội, 5 - 6/12/2006.

[10]. Ngô Văn Doanh (2006), “Miếu Pô Klong Chăn ở Vĩnh Thuận và những hiện vật cổ Chămpa”, *Tạp chí Đông Nam Á*, 5: 34 - 41.

[11]. Nong, Q.C. (1978), “Selective Preservation of Ethnic Minorities’s Cutlultural Traditions”, *Vietnamese Studies*, 52: 57 - 63.

[12]. Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2014), *Thiểu số cần tiến kịp đa số: Định kiến trong quan hệ tộc người ở Việt Nam*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.

[13]. Proschan, F. (2020), “Hiểu về các khái niệm và cách tiếp cận chính đối với di sản văn hóa phi vật thể trong Công ước 2003 của UNESCO”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, 6: 3 - 17.

[14]. Sakaya (2015), *Gốm người Chăm Bàu Trúc - Ninh Thuận*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[15]. Salemink, O. (2001), “Who Decided Who Preserves What? Culture Preservation and Culture Representation”, in Salemink, O. (ed.), *Viet Nam Cultural Diversity Approaches to Preservation*, UNESCO Publishing, pp. 205 - 212.

[16]. Seale, C. (1999), “Quality in Qualitative Research”, *Qualitative Inquiry*, 5.4: 465 - 478.

[17]. UNESCO (2003), “Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage”,

[18]. <https://ich.unesco.org/doc/src/15164-EN.pdf>, truy cập ngày 20/10/2023.

**QUYỀN CỦA CHỦ THỂ VĂN HÓA VÀ CÂU CHUYỆN BẢO TỒN,
PHÁT TRIỂN DI SẢN Ở LÀNG NGHỀ GÓM BÀU TRÚC,
NINH THUẬN**

Lê Thị Thùy Ly

Viện Nghiên cứu văn hóa - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Email: *lethithuyly@gmail.com*.

Ngày nhận bài: 23/10/2023

Ngày phản biện: 23/10/2023

Ngày tác giả sửa: 30/10/2023

Ngày duyệt đăng: 21/11/2023

Ngày phát hành: 25/11/2023

Từ việc tìm hiểu thực trạng của nghề làm gốm ở làng Bàu Trúc (một ngôi làng nghề lâu đời thuộc thị trấn Phước Dân, huyện Phước Ninh, tỉnh Ninh Thuận hiện nay), lập luận rằng có sự tồn tại của những quan điểm khác nhau trong việc ứng xử với di sản văn hóa từ phía người dân và đây là điều cần quan tâm vì liên quan đến vấn đề quyền của chủ thể đối với các di sản văn hóa. Qua việc chỉ ra thực trạng nhiều mặt của nghề gốm ở làng Bàu Trúc - liên quan đến tình hình phát triển của gốm “truyền thống” và gốm “không truyền thống” - sau khi nghề gốm của làng được ghi danh, tác giả bài viết muốn làm rõ bức tranh đa chiều ở làng nghề nổi tiếng này trên cơ sở tập trung vào góc nhìn của những người trong cuộc và từ đó đưa ra những khuyến nghị.

Từ khóa: Quyền của chủ thể văn hóa; Di sản; Làng nghề gốm Bàu Trúc.